

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam**

Công ty: **CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM

Điện thoại: 028 – 39453301 – 39453302

Fax: 028 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Trịnh Thị Mai Hương

Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – Quận Hà Đông – TP.Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123

Fax: 028 – 39453298

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã được soát xét Công ty mẹ và Hợp nhất của Công ty CP Nhựa Việt Nam;
2. Công văn số 165/CV-NVN-TCKT ngày 25/8/2021 của Công ty CP Nhựa Việt Nam về việc giải trình kết quả kinh doanh.
3. Công văn số 166/CV-NVN-TCKT ngày 25/8/2021 của Công ty CP Nhựa Việt Nam về việc chậm gửi bản giấy BCTC bán niên năm 2021 đã được soát xét do tình hình dịch bệnh.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trịnh Thị Mai Hương

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 165/CV-NVN-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh báo cáo soát xét
6 tháng đầu năm 2021 so với 6 tháng đầu năm 2020
của BCTC riêng và BCTC hợp nhất

Kính gửi: **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam xin giải trình Kết quả kinh doanh của báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2021 so với 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

+ Đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN theo báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2021 là: 23.577.653.358 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN theo báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2020 là: 3.532.607.935 đồng

Nguyên nhân: Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước là do doanh số bán hàng tăng so với cùng kỳ năm trước nên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó cổ tức được chia từ công ty liên doanh liên kết tăng so với cùng kỳ năm trước.

+ Đối với báo cáo tài chính Hợp Nhất:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN theo báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2021 là: 51.581.045.208 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN theo báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2020 là: 15.814.878.499 đồng

Nguyên nhân: Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước là do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước nên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng. Bên cạnh đó khoản Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết tăng so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam làm văn bản giải trình để Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu TCKT, VP.



Phan Trung Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 40

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước – Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1, Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381966, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 14 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : +84 (28) 3945 3301 - 3945 3302 - 3945 3303
- Fax : +84 (28) 3945 3298

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội	39A Phố Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa Số Một	403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; (không sản xuất tại trụ sở Công ty). Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ phục vụ cho các ngành công nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy phục vụ cho các ngành công nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Cho thuê bãi đậu xe. Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức hội chợ, triển lãm; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán bằng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; Bán buôn phân bón; Bán buôn phế liệu (không hoạt động tại trụ sở) (trừ dược phẩm, bán buôn thuốc trừ sâu, hóa chất có tính độc hại mạnh, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và không bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở);



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (không hoạt động tại trụ sở) (trừ in, tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý ký gửi hàng hóa (trừ môi giới bất động sản);
- Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (trừ bán lẻ bình gas, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới;
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);
- Sản xuất chuỗi cách điện polymer, vật cách điện, dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi);
- Giao nhận hàng hóa, gửi hàng, thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Ngọc Diệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Phan Trung Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Bùi Quốc Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trang Thị Kiều Thiên	Trưởng Ban	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Chu Thế Hoàng	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Âu Thị Chi	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2018

38196
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA
VIỆT NAM
PHỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Trung Nam (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Trung Nam - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2021



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.1350/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2021, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ với kết luận ngoại trừ về Báo cáo tài chính giữa niên độ đó tại ngày 10 tháng 8 năm 2020. Ngoại trừ liên quan đến việc Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn không gửi Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty này.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 24 tháng 3 năm 2021 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lý Quốc Trung

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2021

TR
KI
NB

0300
C
C
N
VIỆ
V4-TI

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.893.301.601	213.190.381.071
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.952.029.783	5.970.503.197
1. Tiền	111		1.936.742.111	2.946.009.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.015.287.672	3.024.493.737
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		119.126.821.463	92.991.251.788
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	119.126.821.463	92.991.251.788
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.677.278.207	86.797.882.809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	81.125.268.430	90.698.281.845
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	869.223.545	1.024.493.545
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.604.948.069	1.353.472.319
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	16.509.475.342	64.396.573.468
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(69.486.239.929)	(70.729.541.118)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.602.750	54.602.750
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	20.922.633.797	23.820.921.468
1. Hàng tồn kho	141		21.954.023.327	23.820.921.468
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.031.389.530)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.214.538.351	3.609.821.809
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.168.643.410	3.562.585.877
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	45.894.941	47.235.932
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

044
ON
NH
TOÁN
4-81
G
H
L
N
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.077.298.889	156.450.534.832
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		21.040.000.000	21.040.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	251.475.750
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	21.040.000.000	21.040.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	-	(251.475.750)
II.	Tài sản cố định	220		431.922.984	483.410.172
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	419.320.644	457.903.668
-	- Nguyên giá	222		107.304.130.464	107.304.130.464
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.884.809.820)	(106.846.226.796)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	- Nguyên giá	225		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	12.602.340	25.506.504
-	- Nguyên giá	228		2.989.290.120	2.989.290.120
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.976.687.780)	(2.963.783.616)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	- Nguyên giá	231		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		127.796.029.168	127.796.029.168
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	33.023.687.895	33.023.687.895
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	121.946.480.594	121.946.480.594
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(27.174.139.321)	(27.174.139.321)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		6.809.346.737	7.131.095.492
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	5.998.616.375	6.093.854.159
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	810.730.362	1.037.241.333
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		343.970.600.490	369.640.915.903

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		184.153.775.666	231.455.711.238
I. Nợ ngắn hạn	310		183.670.646.866	230.972.582.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	34.162.170.131	59.239.889.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		400.000	210.400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.998.467.157	10.146.690.576
4. Phải trả người lao động	314	V.15	178.890.725	1.102.401.288
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.710.459.041	13.217.744.749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	1.030.349.189	1.016.402.449
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	132.369.935.587	144.702.811.435
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.219.975.036	1.336.242.250
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		483.128.800	483.128.800
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	483.128.800	483.128.800
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM


Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		159.816.824.824	138.185.204.665
I. Vốn chủ sở hữu	410		159.816.824.824	138.185.171.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	(34.472.305.176)	(56.103.958.534)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(58.049.958.534)	(56.103.958.534)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.577.653.358	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	33.199
1. Nguồn kinh phí	431		-	33.199
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		343.970.600.490	369.640.915.903


 Trần Thị Phụng
 Người lập/ Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2021


 Phan Trung Nam
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	182.093.401.761	32.802.090.997
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		182.093.401.761	32.802.090.997
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	174.751.563.478	30.137.748.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.341.838.283	2.664.342.320
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.592.466.414	15.447.337.952
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.800.950.126	7.436.856.202
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.496.755.585	7.347.769.402
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.847.063.779	1.296.828.860
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.657.017.350	5.779.903.328
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.629.273.442	3.598.091.882
11. Thu nhập khác	31		178.410.461	96.303.790
12. Chi phí khác	32		3.519.574	1
13. Lợi nhuận khác	40		174.890.887	96.303.789
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.804.164.329	3.694.395.671
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		226.510.971	161.787.736
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>23.577.653.358</u>	<u>3.532.607.935</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-



Trần Thị Phụng
Người lập/ Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc

03/...
 C
 C
 T
 P
 H
 C
 H
 M
 H
 V
 4
 T

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		208.993.282.428	30.639.133.048
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(198.901.948.410)	(43.606.887.492)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.877.889.701)	(3.545.369.232)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.15; VI.4	(13.985.631.293)	(5.277.707.299)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		33.542.088.997	536.271.360
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.563.785.310)	(7.036.453.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.206.116.711	(28.291.012.827)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.888.799.724)	(67.028.273.995)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.753.230.049	55.525.081.689
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.994.276.787	30.553.154.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.858.707.112	19.049.961.838

300
CÔ
CH
H
A
NH1381
NG
PH
NH
HOC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM


Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	7.327.712.700	20.168.100.525
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(20.437.245.400)	(14.989.386.950)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(13.109.532.700)</i></u>	<u><i>5.178.713.575</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.955.291.123	(4.062.337.414)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.970.503.197	17.040.803.999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26.235.463	(291.840)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>12.952.029.783</u>	<u>12.978.174.745</u>


Trần Thị Phụng
Người lập/ Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa làm từ plastic, cho thuê máy móc, thiết bị và thiết bị kỹ thuật khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu kỳ này gia tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước là do trong kỳ Công ty đã mở rộng thị trường tìm kiếm các khách hàng mới, doanh số bán gia tăng đáng kể. Tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty gia tăng đột biến chủ yếu đến từ lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất sản phẩm từ plastic	99,52%	99,52%	99,52%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	Số 18C Phạm Đình Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	320 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	20,69%	20,69%	20,69%
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất hạt nhựa PVC	27,51%	27,51%	27,51%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	15%	15%	15%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội	39A phố Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa Số Một	403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 18 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 26 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

U.P.
TI
KI
030
CC
CỔ
N
LIỆ
4-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

300
CÔ
NH
TỔA
A
VI

300
CÔ
NH
TỔA
A
VI

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty chỉ có hàng hóa. Giá gốc hàng hóa tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất đã được khấu hao hết.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 06 năm đến 12 năm.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện đầu tư dự án nhằm phân chia lợi nhuận. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn và tổng số vốn đầu tư vào dự án. Công ty có thể chuyển nhượng vốn góp thực hiện dự án với điều kiện bên nhận chuyển nhượng phải thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn theo quy định của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

300
CỔ
CỔ
N
TỆ
4-TT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.727.766.698	811.017.450
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	208.975.413	2.134.992.010
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) ⁽ⁱ⁾	11.015.287.672	3.024.493.737
Cộng	12.952.029.783	5.970.503.197

(i) Toàn bộ hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản mở L/C.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,7%/năm.

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Dương với số tiền 89.126.821.463 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản mở LC và khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	33.023.687.895	(10.212.584.693)	33.023.687.895	(10.212.584.693)
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước ⁽ⁱ⁾	22.298.490.000	-	22.298.490.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	725.197.895	(212.584.693)	725.197.895	(212.584.693)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam ^(iv)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	121.946.480.594	(16.961.554.628)	121.946.480.594	(16.961.554.628)
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn ^(v)	16.961.554.628	(16.961.554.628)	16.961.554.628	(16.961.554.628)
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem ^(vi)	15.279.075.966	-	15.279.075.966	-
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina ^(vii)	89.705.850.000	-	89.705.850.000	-
Cộng	154.970.168.489	(27.174.139.321)	154.970.168.489	(27.174.139.321)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700822089, thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước 22.298.490.000 VND, tương đương 99,52% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310541880 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105008197 ngày 16 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311679634 ngày 29 tháng 3 năm 2012, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303643747 ngày 02 tháng 8 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn 16.961.551.628 VND, tương đương 20,69% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000440 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem 789.061 USD, chiếm 27,51% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 472023000582 ngày 11 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248368 ngày 25 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina 5.250.000 USD, chiếm 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 14/2021/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.

Các công ty con và công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	<u>(27.174.139.321)</u>	<u>(18.029.784.470)</u>
Số cuối kỳ	<u>(27.174.139.321)</u>	<u>(18.029.784.470)</u>

Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước		
Cho thuê máy móc, thiết bị	1.390.588.150	1.390.588.150
Cho thuê đất	7.101.818	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một		
Mua hàng	92.836.364	-
Cho vay	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn		
Cho thuê tài sản	-	126.081.681

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem</i>		
Chia lợi nhuận	13.363.900.866	-
<i>Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina</i>		
Chia lợi nhuận	11.449.200.000	11.334.375.000
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	54.728.984.014	57.283.292.014
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	5.741.578.573	5.733.766.573
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	1.573.647.524	1.573.647.524
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	56.558.848	158.678.848
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	47.357.199.069	47.357.199.069
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem		2.460.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	26.396.284.416	33.414.989.831
Công ty TNHH Công nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	1.904.858.714	2.804.858.714
Công ty TNHH In và Sản xuất Bao bì Đức Mỹ	3.411.398.610	2.714.445.069
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	6.740.889.798	7.489.877.552
Các khách hàng khác	11.669.166.876	17.735.838.078
Cộng	81.125.268.430	90.698.281.845
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Reed Business Information LTD	93.610.200	93.610.200
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam – Vietravel	-	104.720.000
Công ty TNHH Việt Phương	610.999.175	610.999.175
Công ty TNHH Kỹ nghệ Thái Dương	104.713.970	104.713.970
Các nhà cung cấp khác	59.900.200	110.450.200
Cộng	869.223.545	1.024.493.545
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	1.353.472.319	1.353.472.319
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	1.283.472.319	1.283.472.319
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	70.000.000	70.000.000
<i>Cho cá nhân khác vay</i>	251.475.750	-
Ông Nguyễn Quốc Nhật	251.475.750	-
Cộng	1.604.948.069	1.353.472.319

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.876.698.136	(1.040.364.635)	31.312.797.270	(499.932.000)
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem - Lợi nhuận được chia	13.363.900.866	-	-	-
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina - Lợi nhuận được chia	-	-	29.580.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Cổ tức được chia	499.932.000	(499.932.000)	499.932.000	(499.932.000)
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước - Cổ tức được chia	1.012.865.270	(540.432.635)	1.232.865.270	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.632.777.206	(1.362.657.379)	33.083.776.198	(1.362.657.379)
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	35.708.714	-	31.384.729.700	-
Tạm ứng	44.114.400	-	71.264.934	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.552.954.092	(1.362.657.379)	1.627.781.564	(1.362.657.379)
Cộng	16.509.475.342	(2.403.022.014)	64.396.573.468	(1.862.589.379)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ dài hạn	40.000.000	-	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long - Góp vốn hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Cộng	21.040.000.000	-	21.040.000.000	-

- (i) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long về việc thực hiện đầu tư dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” tọa lạc tại số 360 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký kết ngày 14 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		<i>50.770.809.760</i>	-		<i>50.872.929.760</i>	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Nhựa Trường An	Trên 03 năm	2.857.119.843	-	Trên 03 năm	2.857.119.843	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	Trên 03 năm	56.558.848	-	Trên 03 năm	158.678.848	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Trên 03 năm	47.857.131.069	-	Trên 03 năm	47.857.131.069	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>20.811.380.107</i>	<i>2.095.949.938</i>		<i>22.945.053.110</i>	<i>2.836.966.003</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	Từ 01 năm đến trên 03 năm	1.904.858.714	112.030.595	Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.804.858.714	140.366.023
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	Trên 03 năm	6.740.889.798	-	Trên 03 năm	7.489.877.552	-
Các tổ chức và cá nhân khác		12.165.631.595	1.983.919.344		12.650.316.844	2.696.599.980
	<i>Từ 01 năm đến trên 03 năm</i>	<i>11.754.335.667</i>	<i>1.696.012.194</i>	<i>Từ 02 năm đến trên 03 năm</i>	<i>11.120.669.879</i>	<i>1.625.847.104</i>
	<i>Từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>411.295.928</i>	<i>287.907.150</i>	<i>Từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>1.529.646.965</i>	<i>1.070.752.876</i>
Cộng		71.582.189.867	2.095.949.938		73.817.982.870	2.836.966.002

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn		Cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	70.729.541.118		251.475.750	70.981.016.868
Điều chỉnh dự phòng cho vay dài hạn sang ngắn hạn	251.475.750	(251.475.750)		-
Hoàn nhập dự phòng	(1.494.776.939)		-	(1.494.776.939)
Số cuối kỳ	69.486.239.929		-	69.486.239.929

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	5.372.532.000	-	22.905.200.300	-
Hàng hóa	16.581.491.327	(1.031.389.530)	915.721.168	-
Cộng	21.954.023.327	(1.031.389.530)	23.820.921.468	-

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước còn phải phân bổ theo hợp đồng thuê lại đất ngày 27 tháng 6 năm 2006 với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	3.038.218.616	102.302.078.279	694.501.247	1.052.714.595	216.617.727	107.304.130.464
Số cuối kỳ	3.038.218.616	102.302.078.279	694.501.247	1.052.714.595	216.617.727	107.304.130.464
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.901.900.589	102.208.878.279	694.501.247	1.052.714.595	37.440.000	105.895.434.710
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.647.482.212	102.290.904.058	694.501.247	1.052.714.595	160.624.684	106.846.226.796
Khấu hao trong kỳ	12.302.478	3.883.332	-	-	22.397.214	38.583.024
Số cuối kỳ	2.659.784.690	102.294.787.390	694.501.247	1.052.714.595	183.021.898	106.884.809.820
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	390.736.404	11.174.221	-	-	55.993.043	457.903.668
Số cuối kỳ	378.433.926	7.290.889	-	-	33.595.829	419.320.644
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo sổ sách là 102.863.379.526 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II (Xem thuyết minh số V.18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.646.960.000	342.330.120	2.989.290.120
Số cuối kỳ	2.646.960.000	342.330.120	2.989.290.120
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.646.960.000	32.630.120	2.679.590.120
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.646.960.000	316.823.616	2.963.783.616
Khấu hao trong kỳ	-	12.904.164	12.904.164
Số cuối kỳ	2.646.960.000	329.727.780	2.976.687.780
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	25.506.504	25.506.504
Số cuối kỳ	-	12.602.340	12.602.340
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh do Công ty tiến hành trích tỷ lệ dự phòng nợ phải thu khó đòi cao hơn quy định hiện hành. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.037.241.333	523.419.089
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	<u>(226.510.971)</u>	<u>(161.787.736)</u>
Số cuối kỳ	<u>810.730.362</u>	<u>361.631.353</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Intraco Trading Pte., Ltd	5.665.794.750	9.611.147.700
Lotte Chemical Corporation	-	7.160.920.200
Bgn Int Pte., Ltd	18.401.189.400	25.725.625.200
Invict (Singapore) Pte., Ltd	-	3.188.423.700
GC Marketing Solution Company Limited	-	5.288.320.800
Samsung C and T Hongkong Limited	5.939.934.000	-
Các nhà cung cấp khác	4.155.251.981	8.265.452.091
Cộng	<u>34.162.170.131</u>	<u>59.239.889.691</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	17.336.799.131	(17.336.799.131)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	739.408.533	(739.408.533)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.340.991	47.235.932	-	-	-	45.894.941
Thuế thu nhập cá nhân	158.433.376	-	125.109.158	(271.991.586)	11.550.948	-
Thuế nhà đất	-	-	47.016.503	(47.016.503)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác ⁽¹⁾	9.986.916.209	-	8.519.573	(8.519.573)	9.986.916.209	-
Cộng	<u>10.146.690.576</u>	<u>47.235.932</u>	<u>18.256.852.898</u>	<u>(18.403.735.326)</u>	<u>9.998.467.157</u>	<u>45.894.941</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn 6258/BCT-CNN ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13 tháng 7 năm 1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách Nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu hàng hóa	0%
- Dịch vụ cấp nước	5%
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.804.164.329	3.694.395.671
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.519.573	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	23.807.683.902	3.694.395.671
Thu nhập được miễn thuế	(24.813.100.866)	(11.334.375.000)
Thu nhập tính thuế	(1.005.416.964)	(7.639.979.329)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	2.070.263.041	11.559.138.749
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.640.196.000	1.658.606.000
Cộng	3.710.459.041	13.217.744.749

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	32.582.540	4.035.860
Nhận ký quỹ ngắn hạn	79.200.000	79.200.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	918.566.649	933.166.589
Cộng	1.030.349.189	1.016.402.449

17b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.340.949.000	6.330.970.800
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	7.340.949.000	6.330.970.800
Vay dài hạn đến hạn trả	125.028.986.587	138.371.840.635
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II ⁽ⁱⁱ⁾	125.028.986.587	138.371.840.635
Cộng	132.369.935.587	144.702.811.435

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán các LC đến hạn với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (xem thuyết minh số V.2b). Công ty có khả năng thanh toán được khoản vay này.

(ii) Khoản vay theo hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II) với số tiền 49.010.105 Nhân dân tệ để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trục in dự án, thời hạn vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo, lãi suất vay là 3,2%/năm tính trên dư nợ vay. Khoản vay được trả vào nhiều lần, bắt đầu từ ngày 10 tháng 9 năm 2011 đến ngày 10 tháng 3 năm 2021.

Khoản vay này đã quá hạn thanh toán. Theo Công văn số 6258/BTC-CNN ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty, đề nghị cho Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016); Cho phép trích khấu hao cơ bản theo kế ước vay vốn ODA đối với thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm; Chênh lệch tỷ giá phát sinh của khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí phù hợp với các kỳ trả nợ vốn vay. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính. Số dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 34.912.790 CNY (tương ứng 125.028.986.587 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.330.970.800	7.327.712.700	(6.330.970.800)	13.236.300	7.340.949.000
Vay dài hạn đến hạn trả	138.371.840.635	-	(14.106.274.600)	763.420.552	125.028.986.587
Cộng	<u>144.702.811.435</u>	<u>7.327.712.700</u>	<u>(20.437.245.400)</u>	<u>776.656.852</u>	<u>132.369.935.587</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của công ty.

Biến động Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.336.242.250	1.467.000.000
Trích quỹ trong kỳ	1.946.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(1.062.267.214)	(1.231.684.000)
Số cuối kỳ	<u>2.219.975.036</u>	<u>235.316.000</u>

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	(67.058.360.312)	127.230.769.688
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	3.532.607.935	3.532.607.935
Số dư cuối kỳ trước	<u>194.289.130.000</u>	<u>(63.525.752.377)</u>	<u>130.763.377.623</u>
Số dư đầu năm nay	194.289.130.000	(56.103.958.534)	138.185.171.466
Lợi nhuận trong kỳ này	-	23.577.653.358	23.577.653.358
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	(1.946.000.000)	(1.946.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>194.289.130.000</u>	<u>(34.472.305.176)</u>	<u>159.816.824.824</u>

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	127.943.420.000	127.943.420.000
Các cổ đông khác	66.345.710.000	66.345.710.000
Cộng	<u>194.289.130.000</u>	<u>194.289.130.000</u>

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 39.21/NQ-NVN-DHĐCĐTN ngày 29 tháng 6 năm 2021 với số tiền 1.946.000.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	178.000.000	444.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	178.000.000
Cộng	178.000.000	622.000.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Hợp đồng thuê tại tầng 10 thuộc tòa nhà Mecanimex TP. Hà Nội để làm văn phòng.
- Hợp đồng thuê thửa đất tại Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để đặt máy móc, thiết bị.

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 1,857.55 USD (số đầu năm là 7,008.85 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	179.482.147.155	28.638.288.735
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.604.152.788	4.163.802.262
Doanh thu khác	7.101.818	-
Cộng	182.093.401.761	32.802.090.997

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	173.687.325.648	28.217.014.281
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.848.300	59.059.400
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.031.389.530	1.861.674.996
Cộng	174.751.563.478	30.137.748.677

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.544.280.519	2.574.119.518
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.813.100.866	11.334.375.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	235.085.029	1.538.843.434
Cộng	27.592.466.414	15.447.337.952

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.496.755.585	7.347.769.402
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	622.880.151	74.955.043
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	681.314.390	14.131.757
Cộng	5.800.950.126	7.436.856.202

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	322.156.669	400.152.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.523.017.847	891.199.685
Các chi phí khác	1.889.263	5.477.175
Cộng	1.847.063.779	1.296.828.860

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.084.734.129	2.044.872.695
Chi phí vật liệu quản lý	93.202.181	75.475.157
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	45.559.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.487.188	104.203.254
Thuế, phí và lệ phí	1.116.216.922	812.422.165
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.242.677.649
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.494.776.939)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.225.096.457	654.085.949
Các chi phí khác	581.057.412	800.607.402
Cộng	3.657.017.350	5.779.903.328

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.202.181	121.034.214
Chi phí nhân công	2.406.890.798	2.445.024.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.487.188	104.203.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.748.114.304	1.545.285.634
Chi phí khác	204.386.658	2.861.184.391
Cộng	5.504.081.129	7.076.732.188

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.392.447.867	3.292.164.983
Trên 01 năm đến 05 năm	4.423.871.610	7.743.986.143
Trên 05 năm	-	72.333.333
Cộng	7.816.319.477	11.108.484.460

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt: bao gồm lương và thù lao trong kỳ là 802.683.457 VND (cùng kỳ năm trước là 787.716.908 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.6a.

3. **Thông tin về bộ phận**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại (chiếm tỷ trọng trên 98%) và trong một khu vực địa lý là TP. Hồ Chí Minh.

4. **Quản lý rủi ro tài chính**

Iloạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Công ty chủ yếu cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá trị của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối kỳ	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá trị	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá trị	Đã quá hạn nhưng không giảm giá trị	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá trị	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.952.029.783	-	-	-	12.952.029.783
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	119.126.821.463	-	-	-	119.126.821.463
Phải thu khách hàng	8.077.914.826	6.740.889.798	-	66.306.463.806	81.125.268.430
Các khoản cho vay	70.000.000	-	-	1.534.948.069	1.604.948.069
Các khoản phải thu khác	34.629.906.293	-	-	2.875.454.649	37.505.360.942
Cộng	174.856.672.365	6.740.889.798	-	70.716.866.524	252.314.428.687
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.970.503.197	-	-	-	5.970.503.197
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	92.991.251.788	-	-	-	92.991.251.788
Phải thu khách hàng	21.143.159.767	7.489.877.552	-	62.065.244.526	90.698.281.845
Các khoản cho vay	70.000.000	-	-	1.534.948.069	1.604.948.069
Các khoản phải thu khác	83.502.719.155	-	-	1.862.589.379	85.365.308.534
Cộng	203.677.633.907	7.489.877.552	-	65.462.781.974	276.630.293.433

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối kỳ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả người bán	34.162.170.131	-	-	34.162.170.131
Vay và nợ	132.369.935.587	-	-	132.369.935.587
Các khoản phải trả khác	4.708.225.690	483.128.800	-	5.191.354.490
Cộng	171.240.331.408	483.128.800	-	171.723.460.208

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm				
Phải trả người bán	59.239.889.691	-	-	59.239.889.691
Vay và nợ	144.702.811.435	-	-	144.702.811.435
Các khoản phải trả khác	14.230.111.338	483.128.800	-	14.713.240.138
Cộng	218.172.812.464	483.128.800	-	218.655.941.264

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và vay vốn với đồng tiền chủ yếu là CNY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	CNY	USD	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.857,55	-	7.008,85	-
Phải trả người bán	(1.441.492,50)	-	(2.517.510,00)	-
Vay và nợ	(317.790,00)	(34.912.790,36)	(273.240,00)	(39.011.500,20)
Chi phí phải trả	-	(578.095,22)	-	(3.258.895,32)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.757.424,95)	(35.490.885,58)	(2.783.741,15)	(42.270.395,52)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 649.544.262 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 826.891.721 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong kỳ, Công ty đã thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Dương với số tiền 89.126.821.463 VND để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.952.029.783	-	5.970.503.197	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	119.126.821.463	-	92.991.251.788	-
Phải thu khách hàng	81.125.268.430	(63.513.636.927)	90.698.281.845	(65.548.846.501)
Các khoản cho vay	1.604.948.069	(1.534.948.069)	1.604.948.069	(1.534.948.069)
Các khoản phải thu khác	37.505.360.942	(2.403.022.014)	85.365.308.534	(1.862.589.379)
Cộng	252.314.428.687	(67.451.607.010)	276.630.293.433	(68.946.383.949)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:


	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	34.162.170.131	59.239.889.691
Vay và nợ	132.369.935.587	144.702.811.435
Các khoản phải trả khác	5.191.354.490	14.713.240.138
Cộng	171.723.460.208	218.655.941.264

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Trần Thị Phụng
Người lập/ Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2021


Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc



